

Bản án số: 845/2019/HS-PT

Ngày: 25 - 12 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 548/2019/TLPT- HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Quốc L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2019/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Quốc L**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T1, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình Th (chết) và bà Lê Thị T; Có vợ là Lê Thị M (đã ly hôn năm 2015), có 02 con chung, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2017, đến ngày 24/5/2018 Quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh, từ ngày 04/4/2019 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Hồng Nh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Vụ án còn có nguyên đơn dân sự, 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc L được Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Bảo hiểm xã hội huyện M từ ngày 16/9/2013 đến ngày 01/10/2016. Quá trình thực hiện nhiệm vụ Kế toán trưởng, từ tháng 3/2014 đến tháng 6/2016, Nguyễn Quốc L thực hiện hành vi lập giả 20 bộ chứng từ là ủy nhiệm chi, như sau: L ghi đầy đủ thông tin trên ủy nhiệm chi và trên bảng kê chuyển tiền ngân hàng theo mẫu quy định, L ký tên vào mục kế toán trưởng, sau đó kẹp chung nhiều chứng từ khác trình Giám đốc bảo hiểm xã hội M ký hoặc L ký giả chữ ký Giám đốc bảo hiểm xã hội M vào mục chủ tài khoản, rồi lấy con dấu cơ quan bảo hiểm xã hội huyện M đóng xác nhận lên chữ ký chủ tài khoản. Sau khi hoàn chỉnh thủ tục chuyển tiền, L đem ủy nhiệm chi đến Phòng giao dịch M - Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã K đưa Giao dịch viên kiểm tra thấy ủy nhiệm chi và bảng kê chuyển tiền ngân hàng được ghi đầy đủ thông tin, chữ ký kế toán trưởng, chữ ký chủ tài khoản và đã được đóng dấu cơ quan bảo hiểm xã hội huyện M nên Giao dịch viên tiến hành thực hiện việc thanh toán, chuyển tiền từ tài khoản 6606202939056, là tài khoản chi chế độ bảo hiểm xã hội của bảo hiểm xã hội huyện M mở tại Ngân hàng AB huyện M vào tài khoản của L và những cá nhân hoặc đơn vị mà L quen biết, gồm: Nguyễn Thị Như Ng; Nguyễn Thị Thái H; Võ Thị Ph; Cơ sở sản xuất đồ gỗ D; Nhà sách P. Sau đó, L nhờ các chủ tài khoản rút tiền đưa lại cho L chiếm đoạt. Cụ thể:

1. Ủy nhiệm chi số 22 ngày 14/3/2014 chuyển vào tài khoản của Nhà sách P số tiền 132.540.000 đồng.
2. Ủy nhiệm chi số 31 ngày 01/4/2014 chuyển vào tài khoản của Nhà sách P số tiền 23.500.000 đồng.
3. Ủy nhiệm chi số 44 ngày 16/5/2014 chuyển vào tài khoản của Cơ sở D số tiền 88.500.000 đồng.
4. Ủy nhiệm chi số 56 ngày 06/6/2014 chuyển vào tài khoản của Nhà sách P số tiền 130.000.000 đồng.
5. Ủy nhiệm chi số 58 ngày 13/6/2014 chuyển vào tài khoản của Võ Kim Ph số tiền 5.850.000 đồng.
6. Ủy nhiệm chi số 64 ngày 18/6/2014 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Thái H số tiền 56.340.000 đồng.
7. Ủy nhiệm chi số 76 ngày 28/7/2014 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Thái H số tiền 83.540.000 đồng.

8. Ủy nhiệm chi số 81 ngày 11/8/2014 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Thái H số tiền 75.340.000 đồng.

9. Ủy nhiệm chi số 111 ngày 06/10/2014 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 152.500.000 đồng.

10. Ủy nhiệm chi số 144 ngày 16/12/2014 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 52.560.000 đồng.

11. Ủy nhiệm chi số 25 ngày 17/3/2015 chuyển vào tài khoản của bị can Nguyễn Quốc L số tiền 30.500.600 đồng.

12. Ủy nhiệm chi số 55 ngày 29/5/2015 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 181.540.000 đồng.

13. Ủy nhiệm chi số 67 ngày 12/6/2015 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 187.500.000 đồng.

14. Ủy nhiệm chi số 82 ngày 16/7/2015 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 151.530.000 đồng.

15. Ủy nhiệm chi số 105 ngày 10/9/2015 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 87.540.000 đồng.

16. Ủy nhiệm chi số 119 ngày 09/10/2015 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Thái H số tiền 51.250.000 đồng.

17. Ủy nhiệm chi số 146 ngày 10/12/2015 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 78.540.000 đồng.

18. Ủy nhiệm chi số 12 ngày 01/02/2016 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 38.850.000 đồng.

19. Ủy nhiệm chi số 26 ngày 04/4/2016 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 62.500.000 đồng.

20. Ủy nhiệm chi số 63 ngày 28/6/2016 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Như Ng số tiền 79.530.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Quốc L chuyển từ tài khoản chi của Bảo hiểm xã hội huyện M vào tài khoản của L và các cá nhân, đơn vị mà L quen biết bằng 20 ủy nhiệm chi giả là 1.749.950.600 đồng. Trong đó, số tiền 30.500.600 đồng L chuyển bằng Ủy nhiệm chi số 25 ngày 17/3/2015 vào tài khoản của L, sau đó L rút số tiền này ra chi trả chế độ thai sản cho chị Võ Thị Ngọc H, là giáo viên Trường Trung học cơ sở B, huyện M, Long An, số tiền 18.929.000 đồng vào ngày 25/4/2015. Còn lại 11.571.600 đồng, L đưa chị Phạm Thị Hạnh Ng là thủ quỹ của Bảo hiểm xã hội huyện M nộp trả lại tài khoản bảo hiểm xã hội huyện M vào ngày 30/3/2015.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Quốc L chiếm đoạt của Bảo hiểm xã hội huyện M là 1.719.450.600 đồng, gồm: Năm 2014: 10 ủy nhiệm chi số tiền 800.670.000 đồng; Năm 2015: 07 ủy nhiệm chi số tiền 737.900.000 đồng; Năm 2016: 03 ủy nhiệm chi số tiền 180.880.000 đồng.

Để che giấu việc làm của mình, bị can L hạch toán khống số tiền chiếm đoạt vào mục chi: “Trích, chuyển kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhà trường”. Khi BHXH tỉnh thẩm định, xét duyệt, quyết toán nếu phát hiện chi thiếu chứng từ kế toán, thì L giải thích các trường chưa làm thủ tục quyết toán, sẽ bổ sung chứng từ sau.

Tại bản kết luận giám định số 347/2017/KLGD ngày 03/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: Chữ ký mang tên “Phùng Thị Ngọc Đ” bằng bút bi màu xanh, ở mục “Chủ tài khoản”: Trên tờ “Ủy nhiệm chi” số 00022, ngày 14/3/2014 và trên tờ “Bảng kê chuyển tiền ngân hàng” ngày 01/4/2014 là chữ ký của bà Phùng Thị Ngọc Đ. Chữ ký mang tên “Phùng Thị Ngọc Đ” bằng bút bi màu xanh, ở mục “Chủ tài khoản”: Trên 19 tờ “Ủy nhiệm chi” và trên 19 tờ “Bảng kê chuyển tiền ngân hàng” còn lại là không phải chữ ký của bà Phùng Thị Ngọc Đ.

Tại bản kết luận giám định số 374/2017/KLGD ngày 20/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: Hình dấu tròn “Bảo hiểm xã hội huyện M ★ Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An” bằng mực đỏ, ở mục “Chủ tài khoản”: Trên 20 tờ “Ủy nhiệm chi” và trên 20 tờ “Bảng kê chuyển tiền ngân hàng” với hình dấu tròn trên mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định lại số 519/2017/KLGD ngày 13/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: Hình dấu tròn “Bảo hiểm xã hội huyện M ★ Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An” bằng mực đỏ, ở mục “Chủ tài khoản”: Trên 20 tờ “Ủy nhiệm chi” và trên 20 tờ “Bảng kê chuyển tiền ngân hàng” với hình dấu tròn trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 486/KLGD-STC ngày 12/02/2018 của Sở Tài chính tỉnh Long An, kết luận: Nguyễn Quốc L lập 20 bộ chứng từ là ủy nhiệm chi giả nêu trên, là vi phạm khoản 4 điều 6 và khoản 1 Điều 14 của Luật Kế toán số 03/2003/QH11. Trong thực tế không có nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, không có chứng từ kế toán, thực tế các trường học không có nhận tiền theo như hạch toán, Nguyễn Quốc L hạch toán và ghi sổ kế toán như trên là vi phạm quy định tại khoản 2 điều 27 của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 và điểm 6 phần II tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Tổng số tiền thực tế gây thiệt hại tài sản Nhà nước là 1.719.450.600 đồng.

Đối với Giấy ủy nhiệm chi số 22 ngày 14/3/2014 và 01 Bảng kê chuyển tiền ngân hàng ngày 01/4/2014 được xác định là chữ ký thật của chủ tài khoản: đây là chứng từ không hợp pháp, không hợp lệ, chủ tài khoản ký các chứng từ kế toán này là không đúng, phải chịu trách nhiệm theo quy định về lập và ký các chứng từ kế toán.

Về trách nhiệm của những cá nhân, tổ chức, đơn vị để xảy ra thiệt hại ngân sách Nhà nước: Căn cứ quy định tại khoản 1 điều 7 Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ, quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu, thì Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện M phải chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của cơ quan khi để xảy ra sai phạm nêu trên. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 7 phần II Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ tài chính, thì Bảo hiểm xã hội tỉnh phải chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt và thông báo quyết toán năm đối với Bảo hiểm xã hội huyện M.

Tại bản kết luận giám định số 219a/KL-GĐ ngày 20/3/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Long An, kết luận:

Giao dịch viên của AB huyện M đã thực hiện kiểm tra đầy đủ các thông tin được ghi trên ủy nhiệm chi, xác định đầy đủ yếu tố theo quy định và đã thực hiện đúng theo nội dung yêu cầu của Bảo hiểm xã hội huyện M. Tuy nhiên, Giao dịch viên của AB huyện M xác nhận trong quá trình kiểm tra không nhận ra được chữ ký của chủ tài khoản là chữ ký giả, không khớp với chữ ký đã đăng ký với AB huyện M.

Nguyễn Quốc L là Kế toán trưởng bảo hiểm xã hội huyện M, đã thực hiện hành vi giả chữ ký của bà Phùng Thị Ngọc Đ - Chủ tài khoản bảo hiểm xã hội huyện M quá tinh vi, giao dịch viên không thể nhận biết được (thực tế, đa số các chữ ký bằng tay của cùng một người qua thời gian khác nhau, đều không thể giống nhau tuyệt đối được).

Kiểm soát viên của AB huyện M đã thực hiện kiểm soát việc chấp hành các quy định, quy chế giao dịch nội bộ, phạm vi trách nhiệm ký tên chứng từ của giao dịch viên.

Vật chứng thu giữ: 20 bộ chứng từ là ủy nhiệm chi giả.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 14/4/2017, bị can Nguyễn Quốc L nộp khắc phục cho Bảo hiểm xã hội huyện M số tiền 200.000.000đồng. Nguyễn Thị Yến Lan tự nguyện nộp số tiền 181.000.000đồng và Phùng Thị Ngọc Đ tự nguyện nộp số tiền 132.540.000 đồng, anh Nguyễn Văn Sơn nộp 30.000.000đ tại Cơ quan điều tra Công an huyện M.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2019/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc L phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 49, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc L **20** (hai mươi) năm tù.

Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 10/7/2017 (bao gồm thời hạn tạm giam, thời gian bắt buộc chữa bệnh).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/9/2019, bị cáo Nguyễn Quốc L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo như sau:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, bị cáo đã làm giả 20 phiếu ủy nhiệm chi để rút và chiếm đoạt số tiền hơn 1 tỷ 700 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, vì vậy cần phải xử phạt mức án nghiêm. Mức hình phạt 20 năm tù là đã có xem xét những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm tranh luận như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, từ đó giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Từ đó có cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 6/2016, Nguyễn Quốc L lợi dụng chức vụ là Kế toán trưởng của Bảo hiểm xã hội huyện M, đã lập 20 bộ chứng từ ủy nhiệm chi giả, để chuyển tiền từ tài khoản chi chế độ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện M mở tại ngân hàng AB huyện M đến tài khoản của Nguyễn Quốc L và các cá nhân, đơn vị mà L quen biết. Sau đó, L nhờ các chủ tài khoản này rút tiền đưa lại cho L. L chiếm đoạt tổng cộng 1.719.450.600 đồng và dùng vào việc cá độ bóng đá.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc L đã phạm tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự 1999. Tuy nhiên, đối chiếu Điều 278 Bộ luật hình sự 1999

với Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì việc áp dụng Điều 353 có lợi hơn cho người phạm tội, vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Quốc L là phù hợp qui định tại điểm b khoản 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Với chức vụ Kế toán trưởng, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra, giám sát của lãnh đạo Bảo hiểm xã hội huyện M và các phòng chức năng của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An, thực hiện trót lọt 20 ủy nhiệm chi để chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân, với tổng số tiền 1.749.450.600đ. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Quốc L theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, nộp lại 200.000.000đ để khắc phục hậu quả, có mẹ Lê Thị T và cha Nguyễn Đình Th là thương binh, di ruột Lê Thị Lựu và bà ngoại Cao Thị Hòa là bà mẹ Việt Nam anh hùng là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo có một tình tiết tăng nặng được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào khác, vì vậy không có cơ sở chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2019/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc L phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 49, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc L **20** (hai mươi) năm tù.

Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 10/7/2017 (bao gồm thời hạn tạm giam, thời gian bắt buộc chữa bệnh).

2. Tiếp tục giam giữ bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Công an tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- TTG Công an tỉnh Long An;
- TTG Công an tỉnh Long An;
- (tổng đặt cho bị cáo)
- Lưu: HS, VP, 17bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười